

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2024
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiên Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hồng.

Ông Nguyễn Hữu Hòa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm B, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Hiện trú tại: Thôn C D, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị đơn:** Anh Lưu Văn C, sinh năm 1992.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm B, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Hiện trú tại: Nhật Bản.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lưu Văn C tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 04/05/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Hiện tại anh C đang lao động tại Nhật Bản, còn chị ở Việt Nam. Anh chị ly thân đã lâu và không còn quan tâm đến

cuộc sống của nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử cho chị ly hôn anh C.

- Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 02 con chung là Lưu Nguyễn Gia L, sinh ngày 04/10/2014 và Lưu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 01/04/2016. Hiện cháu L và cháu H1 đang sống cùng ông bà nội. Do anh C đang ở Nhật Bản nên chị xin nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Tại đơn đề nghị ngày 25/3/2024 chị H thay đổi yêu cầu về việc nuôi con chung: Chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lưu Nguyễn Gia L, đề nghị Tòa án giao cháu Lưu Nguyễn Gia H1 cho anh C nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, công nợ: Vợ chồng chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tòa án đã gửi đơn khởi kiện của chị H cùng các tài liệu kèm theo và văn bản tố tụng cho anh Lưu Văn C thông qua bố mẹ đẻ là ông Lưu Văn H2, bà Triệu Thị C1. Ông H2 bà C1 đã thông báo, thông qua bố mẹ, anh C trả lời đồng ý ly hôn do không còn tình cảm với chị H và anh C đề nghị được nuôi cháu Lưu Nguyễn Gia H1. Trong thời gian anh C chưa về nước, ông H2 bà C1 thay anh chăm sóc cháu H1.

* Tại đơn yêu cầu xem xét giải quyết ly hôn ngày 11/3/2024, ông Lưu Văn H2 và bà Triệu Thị C1 xác nhận thời điểm kết hôn, quá trình chung sống và con chung của chị H - anh C. Ông bà mong muốn Tòa án giải quyết cho anh C được nuôi cháu Lưu Nguyễn Gia H1. Trong thời gian anh C làm việc tại Nhật Bản, ông bà chịu trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H1.

* Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Lưu Nguyễn Gia L và cháu Lưu Nguyễn Gia H1 về nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn. Cháu L trình bày muốn sống cùng mẹ, cháu H1 trình bày muốn sống cùng bố, trong thời gian bố chưa về Việt Nam thì cháu H1 muốn sống cùng ông bà nội là ông Lưu Văn H2, bà Triệu Thị C1.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lưu Văn C; Giao cháu Lưu Nguyễn Gia L sinh ngày 04/10/2014 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, giao cháu Lưu Nguyễn Gia H1 sinh ngày 01/04/2016 cho anh Lưu Văn C nuôi dưỡng. Trong thời gian anh C chưa về Việt Nam thì bố mẹ anh C chăm sóc cháu H1, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt giấy báo phiên toà cho anh C thông qua bố mẹ đẻ của anh C, tuy nhiên anh C vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt chị H, anh C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lưu Văn C tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 04/05/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, sau đó anh C sinh sống tại Nhật Bản, chị H ở Việt Nam. Khoảng cách địa lý xa xôi, anh chị đã ly thân từ năm 2022, từ đó đến nay không còn liên lạc, quan tâm tới nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị H, anh C có 02 con chung là cháu Lưu Nguyễn Gia L, sinh ngày 04/10/2014 và cháu Lưu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 01/04/2016. Hiện cháu L và cháu H1 đang sinh sống cùng với ông bà nội. Cháu L có nguyện vọng được sống với mẹ là chị Nguyễn Thị H, cháu H1 có nguyện vọng được sống với bố là anh Lưu Văn C. Chị H đề nghị được nuôi hai con chung, sau đó đã thay đổi trình bày, xin được nuôi cháu L và đề nghị Tòa án giao cháu H1 cho anh C nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Trên cơ sở xem xét nguyện vọng của các bên và điều kiện hoàn cảnh nuôi dưỡng, xét thấy việc giao cháu Lưu Nguyễn Gia L sinh ngày 04/10/2014 cho chị Nguyễn Thị H nuôi và giao cháu Lưu Nguyễn Gia H1 sinh ngày 01/4/2016 cho anh Lưu Văn C nuôi là hoàn toàn phù hợp. Trong thời gian anh C đang ở nước ngoài, ông Lưu Văn H2 và bà Triệu Thị C1 là bố mẹ đẻ anh C hiện đang sống cùng cháu H1 chăm sóc, nuôi dưỡng cháu.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lưu Văn C.

2. Về con chung:

Giao cháu Lưu Nguyễn Gia L sinh ngày 04/10/2014 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc.

Giao cháu Lưu Nguyễn Gia H1 sinh ngày 01/4/2016 cho anh Lưu Văn C nuôi dưỡng, chăm sóc. Trong thời gian anh C chưa về Việt Nam, bố mẹ đẻ của anh C là ông Lưu Văn H2 và bà Triệu Thị C1 chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1.

Chị H và anh C không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

3. Án phí:

Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0005717 ngày 26/02/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, anh C được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- UBND xã Trung Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng

4. Về quyền kháng cáo: Chị **H** được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, anh **C** được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng